BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Số: 103/QĐ-ĐHKB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học
của Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 88/ĐHKB-HĐT ngày 04/09/2024 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Kinh Bắc về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh Bắc ngày 12/02/2025 về việc đánh giá, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và khung Chương trình đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh trình độ đại học;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo & Công tác sinh viên và Khoa Ngôn ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc gồm 64 học phần; 130 tín chỉ.

Điều 2 Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm học 2024 – 2025, là căn cứ thực hiện, kiểm tra, thanh tra quá trình đào tạo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 660/QĐ-ĐHKB ngày 06/09/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo & Công tác sinh viên, Trưởng khoa Ngôn ngữ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT&CTSV, khoa Ngôn ngữ./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

TS. Phạm Ngọc Trúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 103/QĐ-ĐHKB ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

1. Thông tin chung

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: **Ngôn ngữ Anh**
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Applied English
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành đào tạo	: 7220201
Thời gian đào tạo	: 04 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp vững vàng, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu). Ngoài ra, chương trình cũng trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa các nước nói Tiếng Anh, kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên, phiên dịch và các công việc có sử dụng Tiếng Anh.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể vận dụng các kiến thức đã được học về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói Tiếng Anh để làm việc tại các đơn vị, cơ quan, dự án trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, cũng như có khả năng tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp để công tác hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo này, người học có khả năng đạt được các mục tiêu:

2.2.1. Về kiến thức

PO1: Nắm được kiến thức nền tảng về nhân sinh quan, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, về pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PO2: Có kiến thức chung về Ngôn ngữ học, ngôn ngữ học đối chiếu, nắm vững kiến thức chuyên sâu về hệ thống Ngữ âm - Âm vị, cú pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng

Anh; Có kiến thức chuyên sâu về ngữ liệu ngôn ngữ (Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

PO3: Áp dụng kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp trong lĩnh vực biên, phiên dịch; có kỹ năng thực hành biên, phiên dịch, giảng dạy; có kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết trong các tình huống giao tiếp xã hội và các nhiệm vụ phức tạp thuộc lĩnh vực biên dịch, phiên dịch, giảng dạy và các công việc có liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.

PO4: Có kiến thức cơ bản và bước đầu làm quen với phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ để có thể tiếp tục học nâng cao ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ; Có kiến thức cơ bản về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước nói Tiếng Anh để thích ứng với môi trường hội nhập.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương với trình độ bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trình độ bậc C1 theo khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu; Có khả năng chuyên môn đảm nhận được công việc trong các lĩnh vực nghề nghiệp như biên phiên dịch, du lịch, giảng dạy (nếu được trang bị nghiệp vụ sư phạm), truyền thông, báo chí, bảo tàng, thư viện, cán bộ nghiên cứu ngôn ngữ, nhân viên soạn thảo thư từ giao dịch quốc tế v.v.

PO6: Sử dụng được công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu công việc; có năng lực ngoại ngữ thứ 2 đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, nghiên cứu và công việc thuộc lĩnh vực ngoại ngữ 2.

PO7: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập hoặc kỹ năng làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành Ngôn ngữ Anh; tự định hướng, quản lý và cải tiến các hoạt động thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

PO8: Có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo để không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức; khả năng làm việc theo nhóm, khả năng làm việc, nghiên cứu, sáng tạo trong công việc vì lợi ích của cá nhân, của các doanh nghiệp, của tập thể, nhà nước và nhân dân.

2.2.3. Về thái độ

PO9: Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp.

PO10: Có ý thức coi trọng việc ứng dụng sáng tạo các lý thuyết và kỹ năng, nghiệp vụ vào tình huống công việc cụ thể.

PO11: Có kế hoạch không ngừng trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân. Nắm vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.

PO12: Có ý thức coi trọng việc xây dựng môi trường làm việc lành mạnh để phát triển các quan hệ đồng nghiệp và đối tác qua ứng xử giao tiếp, và chuẩn mực phát ngôn.

2.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc với vai trò biên dịch viên, phiên dịch viên, biên tập viên, giáo viên tiếng Anh, giảng viên tiếng Anh, thư ký văn phòng, lễ tân, trợ lý đối ngoại, nhân viên kinh doanh, nhân viên văn phòng, nghiên cứu viên, hướng dẫn viên du lịch, điều phối dự án, chuyên viên tư vấn viên tại:

- Các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, các cơ sở du lịch, lữ hành, cơ quan quản lý du lịch, các tổ chức của chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế; các công ty truyền thông; các doanh nghiệp trong nước, liên doanh hoặc nước ngoài
- Các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục
- Học tiếp lên Thạc sĩ, Tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*(Chú ý: Chuẩn đầu ra CTĐT cần được viết theo lý thuyết của **Bloom** và phải đáp ứng yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với trình độ đại học)*

Ngay khi hoàn thành CTĐT này, người học đạt được các đầu ra như sau:

Mã số CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Chuẩn về kiến thức
PLO1	*Hiểu rõ* và *hệ thống hoá* được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; vận dụng kiến thức kinh tế chính trị, triết học Mac-Lenin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật đại cương để thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và giải quyết các sự việc, các hiện tượng trong cuộc sống và trong các tình huống của lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.
PLO2	*Vận dụng* kiến thức cơ bản, toàn diện về ngôn ngữ, văn hóa, đất nước học và nghiên cứu khoa học trong giao tiếp xã hội và thực hiện công việc chuyên môn về biên, phiên dịch và giảng dạy tiếng Anh.
PLO3	*Áp dụng* được các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong chuyên môn được đào tạo như biên, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh; có năng lực ngoại ngữ thứ 2 đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, nghiên cứu và công việc thuộc lĩnh vực ngoại ngữ 2.
PLO4	*Vận dụng* chính xác kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về dịch thuật, phương pháp và kỹ thuật dịch thuật; thực hành tiếng và lý thuyết ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Anh chuyên ngành, phương pháp giảng dạy tiếng Anh, văn hóa, xã hội và đất nước Anh-Mỹ trong hoạt động biên, phiên dịch.

Mã số CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO5	*Vận dụng* kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát; quản lý, điều hành các hoạt động trong lĩnh vực biên, phiên dịch hoặc giảng dạy tiếng Anh.
	Chuẩn về Kỹ năng
PLO6	*Tích luỹ, nắm vững và phân tích* các kỹ năng cần thiết (kỹ năng thực hành tiếng Anh, biên/phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng tổng hợp về đất nước, văn hoá, văn học, xã hội… để giải quyết các vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh; *phân biệt* được các khái niệm, trường phái về bản chất và chức năng ngôn ngữ; quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ nhằm phục vụ nhu cầu học ngoại ngữ và phục vụ công việc chuyên môn.
PLO7	*Vận dụng* những hiểu biết về chính trị, pháp luật, văn hoá, xã hội của Việt Nam và các nước nói Tiếng Anh để phát triển kỹ năng phản biện, phê phán, truyền đạt vấn đề; phát triển kỹ năng giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường công tác đa văn hóa.
PLO8	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm cho mình và người khác; *đánh giá* chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
PLO9	*Vận dụng* năng lực tiếng Anh bậc 5/6 và một ngoại ngữ 2 đạt bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt Khung năng lực quốc gia (IC3/ICDL) theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
PLO10	*Phát triển* khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.
PLO11	*Phát triển* khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động Ngôn ngữ Anh.
PLO12	*Hình thành* ý tưởng xây dựng, điều phối, *và* quản lý các nguồn lực; *đánh giá* và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

4. Ma trận chuẩn đầu ra

4.1. Mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT với MT của CTĐT

Bảng 1. Mối liên hệ giữa CĐR với MT của CTĐT

TT	Mục tiêu / Chuẩn đầu ra		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12
1.	CĐR về kiến thức	PLO 1	2								2			
2.		PLO 2		3	3	3	3			3				
3.		PLO 3						3						
4.		PLO 4		3	3		3				3			
5.		PLO 5							3	3	3		3	
6.	CĐR về kỹ năng	PLO 6		3,5	3,5		3,5							
7.		PLO 7	3			3		3						
8.		PLO 8								3,5		3,5		
9.		PLO 9						3						
10.	CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	PLO 10							3					3
11.		PLO 11									3		3	
12.		PLO 12							3,5			3,5		

4.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu của CTĐT với sứ mệnh và triết lý giáo dục

TT	Sứ mệnh, tầm nhìn / Mục tiêu CTĐT	Mục tiêu - sứ mệnh	Triết lý giáo dục		
		Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng	Giáo dục toàn diện	Sáng tạo	Đổi mới
1	PO1	x	x	x	
2	PO2	x	x	x	x
3	PO3	x	x	x	x
4	PO4	x	x	x	x
5	PO5	x	x	x	x
6	PO6	x	x	x	
7	PO7	x	x	x	x
8	PO8	x	x	x	x
9	PO9	x	x	x	x
10	PO10	x	x	x	x

TT	Sứ mệnh, tầm nhìn / Mục tiêu CTĐT	Mục tiêu - sứ mệnh	Triết lý giáo dục		
		Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng	Giáo dục toàn diện	Sáng tạo	Đổi mới
11	PO11	x	x	x	x
12	PO12	x	x	x	x

4.3. Mối liên hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Bảng 3. Mối liên hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**													
I.1	***Kiến thức bắt buộc***													
1	Triết học Mác-Lênin	7108001	2						2			2		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	7108002	2						2				2	

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7108003	2						2			2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7108004	2						2				2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7108005	2						2			2		
6	Pháp luật đại cương	7108006	2						2					2
7	Tin học đại cương	7108007			3				3					3
I.2	***Kiến thức tự chọn (SV chọn 02 trong 04 học phần dưới đây)***													
I.3	**Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)**													
I.3.1	***Tiếng Trung Quốc***													
8	Tiếng Trung 1	7108008			2						2	2		
9	Tiếng Trung 2	7108009			2						2	2		
10	Tiếng Trung 3	7108010			2						2	2		
I.3.2	***Tiếng Hàn Quốc***													
11	Tiếng Hàn 1	7108011			2						2	2		
12	Tiếng Hàn 2	7108012			2						2	2		
13	Tiếng Hàn 3	7108013			2						2	2		
I.4	**Giáo dục thể chất**													

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
14	Giáo dục thể chất 1													
15	Giáo dục thể chất 2													
I.5	**Giáo dục Quốc phòng – An ninh**													
II	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**													
II.1	***Kiến thức bắt buộc***													
16	Dẫn luận ngôn ngữ học	7108014				2		2					2	
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7108015		3				3				2		
18	Tiếng Việt thực hành	7108016		3					3			2		
19	Văn hoá Anh – Mỹ	7108017		3				3				2		
20	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	7108018				3		3				3		
21	Ngữ pháp Tiếng Anh lý thuyết	7108019				3		3					3	
22	Ngữ âm Tiếng Anh thực hành	7108020				3,5		3,5				3		
23	Từ vựng – ngữ nghĩa học Tiếng Anh	7108021				3,5		3,5				2		
24	Ngữ âm – âm vị học	7108022				3,5		3,5				3		
25	Kỹ năng Nghe 1	7108023				3		3					3	
26	Kỹ năng Nói 1	7108024				3		3					3	

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
27	Kỹ năng Đọc 1	7108025				3		3					3	
28	Kỹ năng Viết 1	7108026				3		3					3	
29	Kỹ năng Nghe 2	7108027				3		3					3	
30	Kỹ năng Nói 2	7108028				3		3					3	
31	Kỹ năng Đọc 2	7108029				3		3					3	
32	Kỹ năng Viết 2	7108030				3		3					3	
33	Kỹ năng Nghe 3	7108031				3		3					3	
34	Kỹ năng Nói 3	7108032				3		3					3	
35	Kỹ năng Đọc 3	7108033				3		3					3	
36	Kỹ năng Viết 3	7108034				3		3					3	
37	Kỹ năng Nghe 4	7108035				3		3					3	
38	Kỹ năng Nói 4	710806				3		3					3	
39	Kỹ năng Đọc 4	7108037				3		3					3	
40	Kỹ năng Viết 4	7108038				3		3					3	
II.2	***Kiến thức tự chọn (SV chọn 03 trong 05 học phần dưới đây)***													
41	Ngôn ngữ học đối chiếu	7108039				3,5			3,5				3	

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
42	Kỹ năng viết Tiếng Anh hàn lâm	7108040		3,5				3,5						3
43	Ngữ dụng học	7108041				3		3					3	
44	Lịch sử văn minh thế giới	7108042		2				2				2		
45	Văn học Anh – Mỹ	7108043		2				2				2		
III	**KIẾN THỨC BỔ TRỢ**													
III. 1	***Kiến thức bắt buộc***													
46	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7108044		3				3				3		
47	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	7108045				3		3					3	
III. 2	***Kiến thức tự chọn (SV chọn 02 trong 04 học phần dưới đây)***													
48	Kỹ năng làm việc	7108046					3			3,5				3,5
49	Giao tiếp liên văn hoá	7108047			3					3,5		3		
50	Kỹ năng đàm phán bằng Tiếng Anh	7108048					3		3,5				3	
51	Tổ chức sự kiện	7108049					3		3,5					3
IV	**KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**													
IV. 1	***Kiến thức bắt buộc***													
52	Lý thuyết Biên dịch	7108050		3		3		3,5				3		

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
53	Thực hành biên dịch cơ bản	7108051		3		3		3,5				3		
54	Lý thuyết Phiên dịch	7108052		3		3		3,5				3		
55	Thực hành phiên dịch cơ bản	7108053		3		3		3,5				3		
56	Công nghệ trong dạy học Tiếng Anh	7108054				3		3,5				3		
57	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	7108055			3		3			3,5				3,5
IV.2	***Kiến thức tự chọn (SV chọn 01 trong 03 học phần dưới đây)***													
58	Tâm lý học giáo dục	7108056		3					3			3		
59	Tiếng Anh kinh tế	7108057		3					3			3		
60	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	7108058		3					3			3		
III	**Thực tập tốt nghiệp & Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)**													
61	Thực tập tốt nghiệp	7108059					3			3,5				3,5
62	Khóa luận tốt nghiệp	7108060					3			3,5				3,5
Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 02 học phần sau:														
63	Tiếng Anh thư tín thương mại	7108061					3			3,5				3,5

TT	Chuẩn đầu ra / Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
64	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch – Khách sạn	7108062					3			3,5				3,5

Ghi chú:

Thuật ngữ viết tắt:

- PLO: Programme Learning Outcome: Chuẩn đầu ra Chương trình
- PO: Programme Objective: Mục tiêu Chương trình
- CĐR: Chuẩn đầu ra
- CTĐT: Chương trình Đào tạo

5. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

a) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Phương thức tuyển sinh:

- Tổ hợp xét tuyển: D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh), D14 (Ngữ Văn, Lịch Sử, Tiếng Anh), D10 (Toán, Địa Lý, Tiếng Anh)

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển kết quả Học bạ THPT theo quy định của Quy chế tuyển sinh hàng năm.

c) Điều kiện trúng tuyển và dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Điều kiện trúng tuyển được xét từ cao xuống thấp dựa trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **133 tín chỉ** *(chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng) chia thành 8 học kỳ trong 4 năm*

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	25	16	9
2	Kiến thức cơ sở ngành	73	67	6
3	Kiến thức bổ trợ	8	4	4
4	Kiến thức chuyên ngành	18	16	2
5	Thực tập tốt nghiệp	3	3	0
6	Khóa luận/Thi tốt nghiệp	6	6	0

b) Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Năm học	1		2		3		4		HP tiên quyết	HP song hành	Khoa Quản lý
				Học kỳ	1	2	1	2	1	2	1	2			
				LT	TH	Tự học										
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương *(Tổng số: 25 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 16 tín chỉ, tự chọn: 9 tín chỉ)*															
A1	**Các học phần bắt buộc**		16	15	1	32	6	4	8	8	8				
1	**7108001**	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	6	3								
2	**7108002**	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	4		2							
3	**7108003**	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4			2						
4	**7108004**	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4				2					
5	**7108005**	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4					2				
6	**7108006**	Pháp luật đại cương	2	2	0	4		2							
7	**7108007**	Tin học đại cương	3	2	1	6	3								
A2	**Các học phần tự chọn**		9	6	3	18									
	Tiếng Trung Quốc														
8	**7108008**	Tiếng Trung I	3	2	1	6			3						

9	**7108009**	Tiếng Trung 2	**3**	**2**	**1**	**6**				3								
10	**7108010**	Tiếng Trung 3	**3**	**2**	**1**	**6**					3							
	Tiếng Hàn Quốc																	
11	**7108011**	Tiếng Hàn 1	**3**	**2**	**1**	**6**			3									
12	**7108012**	Tiếng Hàn 2	**3**	**2**	**1**	**6**				3								
13	**7108013**	Tiếng Hàn 3	**3**	**2**	**1**	**6**					3							
A3	**Giáo dục thể chất**																	
14	Giáo dục thể chất 1																	
15	Giáo dục thể chất 2																	
A4	**Giáo dục Quốc phòng an ninh**																	
B. Khối kiến thức cơ sở ngành																		
(Tổng số: 73 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 67 tín chỉ, tự chọn: 6 tín chỉ)																		
B1	**Các học phần bắt buộc**		**67**	**29**	**38**	**134**												
16	**7108014**	Dẫn luận ngôn ngữ học	**2**	**2**	**0**	**4**	2											
17	**7108015**	Cơ sở văn hóa Việt Nam	**2**	**1**	**1**	**4**	2											
18	**7108016**	Tiếng Việt thực hành	**2**	**2**	**0**	**4**		2										
19	**7108017**	Văn hoá Anh – Mỹ	**2**	**2**	**0**	**4**							2					
20	**7108018**	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	**2**	**1**	**1**	**6**	**3**											
21	**7108019**	Ngữ pháp Tiếng Anh lý	**2**	**1**	**1**	**4**				2								

		thuyết																
22	**7108020**	Ngữ âm Tiếng Anh thực hành	**2**	**1**	**1**	**4**		2										
23	**7108021**	Từ vựng – ngữ nghĩa học Tiếng Anh	**2**	**1**	**1**	**4**			2									
24	**7108022**	Ngữ âm – âm vị học	**3**	**2**	**1**	**4**	3											
25	**7108023**	Kỹ năng Nghe 1	**3**	**1**	**2**	**6**		3										
26	**7108024**	Kỹ năng Nói 1	**3**	**1**	**2**	**6**		3										
27	**7108025**	Kỹ năng Đọc 1	**3**	**1**	**2**	**6**		3										
28	**7108026**	Kỹ năng Viết 1	**3**	**1**	**2**	**6**		3										
29	**7108027**	Kỹ năng Nghe 2	**3**	**1**	**2**	**6**			3							**7108023**		
30	**7108028**	Kỹ năng Nói 2	**3**	**1**	**2**	**6**			3							**7108024**		
31	**7108029**	Kỹ năng Đọc 2	**3**	**1**	**2**	**6**			3							**7108025**		
32	**7108030**	Kỹ năng Viết 2	**3**	**1**	**2**	**6**			3							**7108026**		
33	**7108031**	Kỹ năng Nghe 3	**3**	**1**	**2**	**6**				3						**7108027**		
34	**7108032**	Kỹ năng Nói 3	**3**	**1**	**2**	**6**				3						**7108028**		
35	**7108033**	Kỹ năng Đọc 3	**3**	**1**	**2**	**6**				3						**7108029**		
36	**7108034**	Kỹ năng Viết 3	**3**	**1**	**2**	**6**				3						**7108030**		
37	**7108035**	Kỹ năng Nghe 4	**3**	**1**	**2**	**6**					3					**7108031**		
38	**7108036**	Kỹ năng Nói 4	**3**	**1**	**2**	**6**					3					**7108032**		

39	**7108037**	Kỹ năng Đọc 4	**3**	**1**	**2**	**6**					3				**7108033**		
40	**7108038**	Kỹ năng Viết 4	**3**	**1**	**2**	**6**					3				**7108034**		
B2	**Các học phần tự chọn** *(SV chọn 03 trong 05 học phần dưới đây)*		**6**	**3**	**3**	**12**											
41	**7108039**	Ngôn ngữ học đối chiếu	**2**	**1**	**1**	**4**						2					
42	**7108040**	Kỹ năng viết Tiếng Anh hàn lâm	**2**	**1**	**1**	**4**						2			**7108038**		
43	**7108041**	Ngữ dụng học	**2**	**1**	**1**	**4**						2					
44	**7108042**	Lịch sử văn minh thế giới	**2**	**1**	**1**	**4**						2					
45	**7108043**	Văn học Anh – Mỹ	**2**	**1**	**1**	**4**						2					
C. Khối kiến thức bổ trợ																	
(Tổng số: 8 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 4 tín chỉ, tự chọn: 4 tín chỉ)																	
C1	**Các học phần bắt buộc**		**4**	**2**	**2**	**8**											
46	**7108044**	Phương pháp nghiên cứu khoa học	**2**	1	**1**	**4**						2					
47	**7108045**	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	**2**	1	**1**	**4**						2					
C2	**Các học phần tự chọn** ***(SV chọn 02 trong 04 học phần dưới đây)***		**4**	**2**	**2**	**8**											
48	**7108046**	Kỹ năng làm việc	**2**	**1**	**1**	**4**							2				
49	**7108047**	Giao tiếp liên văn hoá	**2**	**1**	**1**	**4**							2				

50	**7108048**	Kỹ năng đàm phán bằng Tiếng Anh	**2**	**1**	**1**	**4**							2				
51	**7108049**	Tổ chức sự kiện	**2**	**1**	**1**	**4**							2				
D. Khối kiến thức chuyên ngành																	
(Tổng số: 18 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 16 tín chỉ, tự chọn: 2 tín chỉ)																	
D1	***Các học phần bắt buộc***		**16**	**7**	**9**	**32**											
52	**7108050**	Lý thuyết Biên dịch	**2**	**1**	**1**	**4**				2							
53	**7108051**	Thực hành biên dịch cơ bản	**3**	**1**	**2**	**6**						3			**7108050**		
54	**7108052**	Lý thuyết Phiên dịch	**2**	**1**	**1**	**4**					2						
55	**7108053**	Thực hành phiên dịch cơ bản	**3**	**1**	**2**	**6**						3			**7108052**		
56	**7108054**	Công nghệ trong dạy học Tiếng Anh	**3**	**1**	**2**	**6**							3		**7108051; 7108053**		
57	**7108055**	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	**3**	**2**	**1**	**6**							3				
D2	***Các học phần tự chọn (SV chọn 01 trong 03 học phần dưới đây)***		**2**	**1**	**1**	**4**											
58	**7108056**	Tâm lý học giáo dục	**2**	**1**	**1**	**4**							2				
59	**7108057**	Tiếng Anh kinh tế	**2**	**1**	**1**	**4**											
60	**7108058**	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	**2**	**1**	**1**	**4**											

E. Thực tập, Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp																		
(Tổng số: 09 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 09 tín chỉ, tự chọn: 0 tín chỉ)																		
E1	**Các học phần chính**		**9**	**6**	**3**	**18**												
61	**7108059**	Thực tập tốt nghiệp	**3**	**0**	**3**	**6**								3				
62	**7108060**	Khóa luận tốt nghiệp	**6**	**6**	**0**	**12**								6				
E2	**Học phần thay thế Khoá luận tốt nghiệp**		**6**	**2**	**4**	**12**												
63	**7108061**	Tiếng Anh thư tín Thương mại	**3**	**1**	**2**	**6**								3				
64	**7108062**	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch – Khách sạn	**3**	**1**	**2**	**6**								3				
Tổng số TC:			**133**	**71**	**61**	**266**												

7. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
1	Triết học Mác-Lênin	3 (3-0)	Học phần Triết học Mác-Lênin từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề đời sống xã hội đang đặt ra.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 (2-0)	Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin được xây dựng theo chương trình LLCT mới của Bộ GD&ĐT năm 2019. Học phần gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa XHKH	2 (2-0)	Học phần nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ

			chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên CNXH, chủ nghĩa cộng sản.
4	Lịch sử ĐCSVN	2 (2-0)	Học phần Lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử của ĐCSVN; Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); Đảng Lãnh Đạo Hai Cuộc Kháng Chiến, Hoàn Thành giải phóng Dân tộc, Thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng Lãnh đạo của cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2019).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2-0)	Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về những nội dung cơ bản, cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.
6	Pháp luật đại cương	2 (2-0)	Cung cấp cho sinh viên tất cả những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
7	Tin học đại cương	3 (2-1)	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết về máy tính: Hệ điều hành Window, Internet, Word, Excel,... Ngoài ra, SV còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao

8	Tiếng Trung 1	3 (2-1)	Học phần Tiếng Trung 1 giúp sinh viên làm quen với hệ thống chữ viết, các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) thông qua các chủ đề, tình huống giao tiếp trình độ sơ cấp.
9	Tiếng Trung 2	3 (2-1)	Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và xã hội Trung Quốc; rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm giúp SV đàm thoại được những chủ đề đơn giản ở trình độ sơ cấp, hỗ trợ sinh viên phát huy việc tự học và nâng cao ý thức trong học tập, đồng thời làm nền tảng cho sinh viên học tiếng Trung ở cấp độ cao hơn.
10	Tiếng Trung 3	3 (2-1)	Học phần tiếng Trung 3 tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ bao gồm nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng theo giáo trình với nhiều tình huống, chủ đề khác nhau và các bài tập vận dụng nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức và sử dụng thành thạo ngôn ngữ.
11	Tiếng Hàn 1	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 1 giúp sinh viên làm quen với hệ thống chữ viết, bảng chữ cái và các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) thông qua các chủ đề, tình huống giao tiếp đơn giản.
12	Tiếng Hàn 2	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hoá, con người Hàn Quốc thông qua các chủ đề và bài học, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp.
13	Tiếng Hàn 3	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 3 tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ bao gồm nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng và tình huống ở cấp độ cao hơn, từ

			đó giúp sinh viên nắm vững kiến thức và sử dụng thành thạo ngôn ngữ.
14	GDTC1		
15	GDTC2		
16	GD Quốc phòng – An ninh		
17	Dẫn luận ngôn ngữ học	2 (2-0)	Học phần giúp sinh viên nắm được nội dung chính của các ngành cốt yếu trong ngôn ngữ học nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn sâu hơn về ngôn ngữ và có thể ứng dụng trong việc sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả.
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1-1)	Sinh viên hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về văn hóa. Phân tích được mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên – xã hội Việt Nam. Hiểu được quá trình phát triển của văn hóa và cấu trúc văn hóa các vùng miền Việt Nam. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức được học trong các học phần liên quan đến lĩnh vực văn hóa và du lịch.
19	Tiếng Việt thực hành	2 (2-0)	Môn học cung cấp kiến thức và rèn luyện kĩ năng xây dựng văn bản, kĩ năng phân tích, thuật lại văn bản, chủ yếu là văn bản khoa học, gắn với hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành các kĩ năng dùng từ, đặt câu, kĩ năng viết chính tả nhằm nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Từ đó, sinh viên sử dụng hiệu quả tiếng Việt trong cuộc sống, học tập, nghiên cứu, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác sau khi tốt nghiệp
20	Văn hóa Anh – Mỹ	2 (2-0)	Học phần Văn hóa Anh – Mỹ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát về nền văn minh, văn hóa Anh và văn hóa Mỹ, bao gồm các lĩnh vực như con người, văn hóa, xã hội, lịch sử, kinh tế, giáo dục.... Học

			phần cũng nhằm nâng cao vốn từ vựng và giúp sinh viên có cơ hội luyện tập, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ.
21	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	2 (1-1)	Học phần *"Ngữ pháp tiếng Anh"* thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể, học phần cung cấp các chuyên đề ngữ pháp thường gặp như các thì của động từ, danh từ, đại từ, mạo từ, câu bị động, mệnh đề quan hệ và câu so sánh của tính từ và trạng từ. Sinh viên có cơ hội thực hành, củng cố và ôn tập nhiều dạng bài tập khác nhau trong mỗi đơn vị bài học. Học phần cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo của khoa Ngôn ngữ Anh.
22	Ngữ pháp Tiếng Anh lý thuyết	2 (1-1)	Môn học nhằm hệ thống các nội dung kiến thức lý thuyết liên quan tới Ngữ Pháp Tiếng Anh bao gồm các đơn vị cấu thành mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép trong tiếng Anh. Cấu trúc, chức năng cú pháp và ngữ nghĩa của các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ, cụm giới từ, cụm trạng từ tiếng Anh. Các lý thuyết Ngữ Pháp tiếng Anh giúp sinh viên chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh có thể giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh, phục vụ cho việc vận dụng lý thuyết tới thực hành cũng như các mục đích nghiên cứu liên quan tới Ngôn ngữ cho các bậc học cao hơn.
23	Ngữ âm Tiếng Anh thực hành	2 (1-1)	Học phần Thực hành ngữ âm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm Tiếng Anh, bao gồm âm, trọng âm và ngữ điệu, đồng thời ứng dụng những kiến thức

			này vào việc thực hành phát âm, từ đơn vị nhỏ nhất là âm tới âm tiết, từ, câu và hội thoại trong Tiếng Anh thông qua các bài học và bài tập thực tế đơn giản, dễ hiểu, không mang tính lý thuyết cao.
24	Từ vựng – ngữ nghĩa học Tiếng Anh	2 (1-1)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...), quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...) và hành động ngôn từ, tiền giả định, hàm ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.
25	Ngữ âm – Âm vị học	3 (1-2)	Học phần cung cấp cho người học: khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học; những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu phiên âm Tiếng Anh, những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm Tiếng anh; các quy luật biến đổi của âm vị Tiếng Anh; những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính.
26	Kỹ năng Nghe 1	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nghe 1 rèn luyện kỹ năng nghe trình độ 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

27	Kỹ năng Nói 1	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nói 1 rèn luyện kỹ năng nói tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Học phần gồm các bài học về các chủ đề gắn liền với cuộc sống, các chủ đề giao tiếp quen thuộc như miêu tả món ăn yêu thích, đưa ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý, đưa ra sự dự đoán hay so sánh, diễn đạt sở thích, tranh luận ưu nhược điểm, hay giải thích sự lựa chọn và các trò chơi ngôn ngữ.
28	Thực hành Tiếng Anh – Đọc 1	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Đọc 1 gồm các bài đọc thuộc nhiều chủ đề khác nhau rèn luyện kỹ năng đọc tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Lượng từ vựng gắn với chủ đề bài học cũng như kiến thức ngữ pháp phù hợp với trình độ A2.
29	Kỹ năng Viết 1	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Viết 1 bao gồm 10 bài dùng để rèn luyện kỹ năng viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng viết các cấu trúc câu và đoạn văn ngắn đơn giản khác nhau.
30	Kỹ năng Nghe 2	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nghe 2 rèn luyện kỹ năng nghe tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ và các kỹ năng nghe Tiếng Anh như nghe lấy ý chính, nghe thông tin chi tiết, nghe suy luận liên quan đến các tình huống giao tiếp hàng ngày như con người, nghề nghiệp, thể thao….
31	Kỹ năng Nói 2	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nói 2 giúp người học phát triển các kỹ năng như: có thể giao tiếp một cách hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày và trong các tình huống công việc quen thuộc; sử dụng các từ ngữ, thành ngữ và

			cấu trúc khá phức tạp. cùng các tình huống giao tiếp.
32	Kỹ năng Đọc 2	3 (1-2)	Học phần rèn luyện kỹ năng đọc và viết trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các bài đọc về các chủ đề gắn với cuộc sống hàng ngày như con người, nghề nghiệp, thể thao, lễ hội... và các chủ đề tương tự ở trình độ B1. Các kỹ năng đọc sinh viên được rèn luyện ở học phần này bao gồm đọc hiểu chi tiết, đọc lấy số liệu, đọc hiểu ý chính...
33	Kỹ năng Viết 2	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Viết 2 giúp sinh viên luyện tập và phát triển các bước viết một bài luận (essay), tập trung vào một số dạng bài luận, có khả năng dùng các câu có cấu trúc chặt chẽ, rõ ý về những đề tài phức tạp, sử dụng linh hoạt các thành phần câu, từ nối câu và các cụm từ chức năng. phù hợp với cấp độ từ bài 1 đến bài 10 của giáo trình ở trình độ B1.
34	Kỹ năng Nghe 3	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nghe 3 rèn luyện kỹ năng Nghe tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung học phần gồm các bài nghe liên quan tới các chủ đề về giáo dục, công nghệ, ngôn ngữ giao tiếp, khí hậu...., đồng thời rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và ghi chú.
35	Kỹ năng Nói 3	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nói 3 bao gồm 10 bài rèn luyện kỹ năng nói trình độ B1-B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các bài rèn luyện kỹ năng nói về các chủ đề như kỹ thuật, kinh doanh, công nghệ, văn học, khí tượng, dinh dưỡng, địa chất, xã hội, báo chí, y học... giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong các ngữ cảnh học thuật, đồng thời thu được các từ vựng học thuật. Các bài học bao

			gồm nhiều ngữ cảnh học thuật khác nhau như bối cảnh lớp học, bài giảng, bài thuyết trình, thảo luận nhóm... Điều này giúp sinh viên tiếp xúc với ngôn ngữ đặc trưng của học thuật - bao gồm từ vựng, cách phát âm và các kỹ năng nói chuẩn bị cho các cuộc thảo luận học thuật trong tương lai. Cách tiếp cận đa phương diện kỹ năng nói đảm bảo sinh viên có thể giao tiếp thành công trong các ngữ cảnh học thuật.
36	Kỹ năng Đọc 3	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Đọc 3 bao gồm 10 bài dùng để rèn luyện chuyên sâu kỹ năng đọc trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng đọc về các chủ đề về kinh tế, lịch sử, môi trường, sức khoẻ và đời sống văn hoá xã hội.....
37	Kỹ năng Viết 3	3 (1-2)	Học phần Thực hành Tiếng Anh -Viết 3 được thiết kế với 10 đơn vị bài học với 10 chủ đề khác nhau như kinh tế, sức khoẻ, giao thông, môi trường, kinh tế xã hội....., với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp viết bài luận ngắn (khoảng 300 từ) với các thể loại như viết miêu tả, viết so sánh, viết nêu quan điểm, nêu nguyên nhân – kết quả, viết phân loại.
38	Kỹ năng Nghe 4	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nghe 4 rèn luyện kỹ năng nghe hiểu chuyên sâu, suy luận logic và mang tính học thuật cao hơn, dạng bài khó hơn có lộ trình kiến thức cụ thể, rõ ràng theo từng chủ đề như toàn cầu hoá, y tế, giáo dục, sản xuất, nghệ thuật.....
39	Kỹ năng Nói 4	3 (1-2)	Học phần Kỹ năng Nói 4 giúp sinh viên có thể làm thành thạo các bài thuyết trình trước đám đông; có khả năng tư duy phản biện về một chủ đề nào đó; được tăng cường các kỹ

			năng nói thông qua hoạt động hợp tác giữa các sinh viên với nhau, nhằm giúp sinh viên có khả năng thành thạo với các tình huống giao tiếp văn hóa, xã hội, thương mại thực tế, đồng thời tăng cường vốn từ vựng thương mại, văn hóa và xã hội. Học phần này giúp sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống thường ngày và công việc. Các bài học được sắp xếp theo chủ đề đa dạng với mức độ ngôn ngữ và kỹ năng được xây dựng nâng cao, phức tạp và được thiết kế dựa trên các hoạt động luyện tập trên lớp và lấy người học làm trung tâm.
40	Kỹ năng Đọc 4	3 (1-2)	Trên cơ sở sinh viên đã được củng cố kiến thức cơ bản ở học phần Thực hành TA - Đọc 3, sinh viên tiếp tục được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các bài đọc dài hơn (khoảng 700 từ trở lên). Nắm được ý chính của đoạn văn và của toàn bài, nắm được ý cụ thể của bài và đoán nghĩa của từ và các cụm từ thông qua các đầu mối ngữ cảnh mà không cần sử dụng từ điển. Suy diễn, nắm bắt các hàm ý từ các thông tin cụ thể trong bài khóa, đồng thời thảo luận về các chủ đề liên quan. Học phần này sinh viên tiếp tục được cung cấp thêm một lượng từ vựng và cáckiến thức liên quan các chủ đề văn hóa, xã hội và kinh tế,..
41	Kỹ năng Viết 4	3 (1-2)	Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt trình độ viết bậc 5 (C1). Chương trình củng cố, cung cấp kiến thức nâng cao về cách viết hoàn chỉnh một bài luận theo dạng thức CAE và mở rộng theo dạng thức IELTS: thực hành viết một bài báo cáo khoảng 150 từ miêu tả thông tin dạng bảng biểu, sơ đồ, tranh ảnh, thực hành viết một bài luận gồm 5 đoạn văn thuộc các chủ đề xã hội thông thường, thuộc nhiều thể loại viết luận khác nhau như

			nguyên nhân/kết quả, tranh luận, hay phân loại.
42	Ngôn ngữ học đối chiếu	2 (1-1)	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu và vai trò của nó trong ngôn ngữ học. Học phần cũng miêu tả các ứng dụng truyền thống của ngôn ngữ học đối chiếu trong dự báo (tiên đoán) những khó khăn trong việc học tiếng, những lỗi người học mắc phải, thiết lập các bậc thang khó khăn trong học ngoại ngữ, vai trò của việc chẩn đoán lỗi và việc kiểm tra có giá trị cũng như việc thiết kế học phần đáp ứng được các nguyên tắc sư phạm về chọn lựa và sắp xếp ngữ liệu.
43	Kỹ năng viết Tiếng Anh hàn lâm	2 (1-1)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng viết hàn lâm, giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc, các kỹ năng viết hàn lâm cụ thể là viết bài luận, viết tiểu luận, viết báo cáo khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên phải có khả năng tóm tắt được các thông tin, dữ liệu thu thập được để trình bày trong bài viết. Các em phải sử dụng được các minh chứng để lập luận, đưa ra bảo vệ quan điểm của mình, phải cấu trúc bài viết của mình chặt chẽ, mạch lạc.
44	Ngữ dụng học	2 (1-1)	Học phần Ngữ dụng học tiếng Anh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ dụng học, hành vi ngôn ngữ, lí thuyết hội thoại và lí thuyết lập luận trong giao tiếp để thực hiện được các công việc có liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.
45	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1-1)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của

			các nền văn minh lớn trên thế giới, các thành tựu văn hóa, lịch và các thành tựu về văn minh vật chất của các quốc gia này.
46	Văn học Anh – Mỹ	2 (1-1)	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết xoay quanh các tác phẩm truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ trong hai nền Văn học Anh và Mỹ, cụ thể gồm các nội dung chính bao gồm các yếu tố cơ bản của một tác phẩm văn xuôi và thơ; tổng quan Văn học Mỹ bao gồm: tóm lược lịch sử Mỹ, các giai đoạn và trường phái văn học Mỹ, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu; tổng quan Văn học Anh bao gồm: tóm lược lịch sử Anh, các giai đoạn và trường phái văn học Anh, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu; thơ và cách viết, phân tích và dịch thơ trong tiếng Anh.
47	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1-1)	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học
48	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	2 (1-1)	Học phần trang bị cho SV kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng cần thiết để phát triển và thực hiện một bài thuyết trình theo phong cách học thuật về một chủ đề bằng Tiếng Anh. Sinh viên nhận biết và vận dụng các từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ đặc thù để thiết kế bài thuyết trình hiệu quả. Đồng thời sinh viên có cơ hội tiếp cận, phân tích và vận dụng các thủ thuật phát triển ý, chiến thuật thu hút khán giả và

			các kỹ năng cần thiết khác để có thể tự tin thuyết trình bằng Tiếng Anh. Ngoài ra, các hoạt động trong học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm khác và sự tự tin khi trình bày bằng Tiếng Anh trước đám đông.
49	Kỹ năng làm việc	2 (1-1)	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả cũng như các kỹ năng trong môi trường làm việc văn phòng công sở; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm.
50	Giao tiếp liên văn hoá	2 (1-1)	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức về cách tiếp cận với những nền văn hoá xạ lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: Giao tiếp liên văn hoá (Intercultural Communication), đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan và kinh doanh quốc tế (International Business). Nhận ra tầm quan trọng của yếu tố văn hoá ở môi trường kinh doanh đa văn hoá ngày nay.
51	Kỹ năng đàm phán bằng Tiếng Anh	2 (1-1)	Học phần giới thiệu các khái niệm và quy trình đàm phán, giúp cải thiện kỹ năng nghe, nói, và viết để giao tiếp hiệu quả trong đàm phán; Học cách phát triển và áp dụng các chiến lược và kỹ thuật phù hợp với từng tình huống cụ thể; Khám phá sự khác biệt văn hóa và các yếu tố đạo đức ảnh hưởng đến đàm phán quốc tế; Phương pháp quản lý và giải

			quyết xung đột phát sinh trong quá trình đàm phán; Tham gia các buổi thực hành và mô phỏng để áp dụng kiến thức đã học vào thực tế; Phát triển khả năng phân tích tình huống và đưa ra quyết định sáng suốt.
52	Tổ chức sự kiện	2 (1-1)	Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện: định nghĩa sự kiện, phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, tìm hiểu một số sự kiện thực tế nổi bật, công nghệ ứng dụng trong sự kiện, cách xử lý tình huống.... Thực hành lập kế hoạch và tổ chức một số sự kiện quy mô nhỏ.
53	Lý thuyết Biên dịch	2 (1-1)	Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản lý thuyết về biên dịch, các quan diểm và tầm quan trọng của dịch thuật; cung cấp cho các em cách phân tích văn bản ngôn ngữ nguồn để các em nắm được ý định của tác giả, hiểu được chủ đề và nội dung phải chuyển dịch, phát hiện ra những câu, cấu trúc câu khó, nhận diện được từ mới trong lĩnh vực chuyển dịch. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các bước trong quá trình dịch, giúp các em phân tích thông tin, chọn từ sao cho phù hợp với văn cảnh.
54	Thực hành biên dịch cơ bản	3 (1-2)	Học phần này sinh viên phải nắm được những lý thuyết dịch nâng cao, biết phân tích và nắm được ý định của văn bản và ý định của người viết. Sinh viên phải biết cách phân tích câu thành thạo, phân tích các hiện tượng ngữ pháp và biết cách tìm các tương đương trong dịch thuật, đồng thời nắm được và sử dụng được các thủ thuật trong quá trình dịch. Sinh viên phải sử dụng thành thạo các phương tiện liên kết văn

			bản cũng như các kỹ thuật dịch ở các cấp độ mà các em đã được học ở học phần lí thuyết dịch nâng cao.
55	Lý thuyết Phiên dịch	2 (1-1)	Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản lý thuyết về phiên dịch, các quan diểm và tầm quan trọng của phiên dịch; cung cấp cho các em nhiệm vụ và đạo đức của một phiên dịch, giúp các em nắm được ý định của người phát ngôn, hiểu được chủ đề và nội dung phải chuyển dịch, biết cách nhận diện và ghi nhanh các ý chính, biết cách ghi tốc ký và tóm tắt các ý chính khi phiên dịch. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các bước trong quá trình phiên dịch, giúp các em tự tin, xử lý được các tình huống bất ngờ nảy sinh trong quá trình phiên dịch.
56	Thực hành phiên dịch cơ bản	3 (1-2)	Học phần nhằm xây dựng và phát triển kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch nâng cao, dựa trên nền tảng các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật dịch nói cơ bản đã tích lũy được trong môn Lý thuyết phiên dịch. Nội dung học phần tập trung về: 1) Giới thiệu các định nghĩa và khái niệm thuật ngữ trong dịch hội nghị; 2) Nguyên tắc của ghi chép (note taking) trong dịch đuổi (consecutive interpretation) để có thể vận dụng ghi chép hỗ trợ cho trí nhớ khi dịch. 3)Thực hành luyện dịch với các bài phát biểu được thiết kế sẵn theo dạng bài phát biểu thực tế trong bối cảnh hội nghị, hội thảo, thuyết trình,... với độ khó dành cho trình độ sinh viên năm 4 (upper-intermediate), và độ dài tối đa 5 phút/bài.
57	Công nghệ trong dạy học Tiếng Anh	3 (1-3)	Học phần Công nghệ trong dạy học tiếng Anh chủ yếu tập trung vào việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) vào quá trình

			dạy và học ngoại ngữ. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các công cụ và phần mềm hỗ trợ học tập, như các ứng dụng học tiếng Anh trực tuyến, bảng tương tác, và các nền tảng học tập điện tử. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến phương pháp thiết kế giáo án tích hợp công nghệ, nhằm tạo ra môi trường học tập hấp dẫn và tương tác cho người học. Qua đó, sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ một cách hiệu quả, từ đó chuẩn bị tốt hơn cho sự nghiệp giảng dạy trong thời đại số.
58	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	3 (2-1)	Học phần Phương pháp & Kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh giúp sinh viên được làm quen với lý thuyết giảng dạy ngoại ngữ, nắm vững các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học và dạy ngoại ngữ, các nguyên tắc giảng dạy ngoại ngữ, thực hành giảng dạy ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng, thực hành giảng dạy các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết. Hiểu được yêu cầu và mục đích sử dụng đồ dùng phương tiện giảng dạy ngoại ngữ.
59	Tâm lý học giáo dục	2 (1-1)	Học phần Tâm lý học giáo dục trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa tâm lý học và quá trình giáo dục. Nội dung chủ yếu bao gồm các lý thuyết học tập, sự phát triển tâm lý của học sinh ở các giai đoạn khác nhau, và các yếu tố tác động đến động lực học tập. Học phần còn đề cập đến những kỹ năng quản lý lớp học hiệu quả, phương pháp đánh giá và kiểm tra học tập, cũng như sự ứng dụng của công nghệ vào giáo dục. Qua đó, sinh viên sẽ hiểu rõ cách áp dụng lý thuyết tâm lý vào thực tiễn giáo

			dục, nhằm tạo ra môi trường học tập tích cực và nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh.
60	Tiếng Anh kinh tế	2 (1-1)	Học phần Tiếng Anh kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Nội dung học phần này thường bao gồm các chủ đề như thương mại quốc tế, marketing, quản lý nhân sự, và tài chính doanh nghiệp, với trọng tâm là sử dụng tiếng Anh trong việc trình bày ý tưởng, thảo luận, và đàm phán. Đồng thời, học phần cũng chú trọng đến việc phát triển từ vựng chuyên ngành và các mẫu ngữ pháp thường gặp trong báo cáo và tài liệu kinh doanh. Qua đó, sinh viên sẽ tự tin hơn khi tham gia vào các hoạt động kinh doanh quốc tế và sẵn sàng cho các cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị.
61	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2 (1-1)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Logistics giới thiệu các loại hình chính của Logistics đồng thời cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng thông dụng và các thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực Logistics.
62	Thực tập tốt nghiệp	3 (0-3)	Học phần Thực tập tốt nghiệp dành cho sinh viên năm cuối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Trong học phần này, sinh viên ôn lại các kiến thức đã học và vận dụng các kiến thức đó vào việc thực tập các lĩnh vực công việc chuyên môn thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp và cơ sở thực tập.

63	Khóa luận tốt nghiệp	6 (6-0)	Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Thực hiện KLTN giúp sinh viên thể hiện khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích sâu, rộng một vấn đề có tính lý luận và có ý nghĩa thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo, sinh viên vận dụng hệ thống kiến thức đã được trang bị trong chương trình đào tạo để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể, trong đó sinh viên đưa ra một hoặc một số hệ thống luận điểm của mình, và có phương pháp tìm kiếm các luận cứ để chứng minh luận điểm đó. Ngoài ra, việc viết KLTN còn giúp sinh viên hoàn thiện phương pháp luận, phương pháp tiếp cận, phương pháp phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề một cách khoa học.
64	Tiếng Anh thư tín thương mại	3 (1-2)	Học phần Thư tín thương mại cung cấp cho sinh viên các từ vựng, câu và thực hành kỹ năng soạn thảo các loại thư tín đúng quy cách, nội dung và bút pháp tốt như: - Thư, fax, email công việc - Thư yêu cầu trong giao dịch thương mại và trả lời khiếu nại - Đơn đặt hàng trong giao dịch thương mại.. - Thư phàn nàn và yêu cầu chỉnh sửa - Xác định/huỷ cuộc hẹn…
65	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch – Khách sạn	3 (1-2)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nghề nghiệp trong ngành du lịch, khách sạn và các vấn đề liên quan như: dịch vụ lữ hành và khách sạn, đại lý du lịch, tiếp xúc khách hàng, đăng ký giữ chỗ, tham quan, v.v...

8. Kế hoạch đào tạo chi tiết

Năm thứ nhất:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1	**15**		**HỌC KỲ 2**	**20**
1	Triết học Mác - Lênin	03	1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02
2	Dẫn luận ngôn ngữ học	02	2	Pháp luật đại cương	02
3	Tin học đại cương	03	3	Thực hành Tiếng Anh- Nghe 1	03
4	Ngữ âm – âm vị học	03	4	Kỹ năng Nói 1	03
5	Cơ sở văn hoá Việt Nam	02	5	Kỹ năng Đọc 1	03
6	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	02	6	Kỹ năng Viết 1	03
			7	Tiếng Việt thực hành	02
			8	Thực hành ngữ âm	02

Năm thứ hai:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1	**19**		**HỌC KỲ 2**	**19**
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02	1	Lịch sử ĐCSVN	02
2	Từ vựng – ngữ nghĩa học	02	2	Tiếng Trung 2	03
3	Kỹ năng Nghe 2	03	3	Thực hành Tiếng Anh -Nghe 3	02
4	Kỹ năng Nói 2	03	4	Kỹ năng Nói 3	02
5	Kỹ năng Đọc 2	03	5	Kỹ năng Đọc 3	02
6	Kỹ năng Viết 2	03	6	Kỹ năng Viết 3	02
7	Tiếng Trung 1	03	7	Ngữ pháp Tiếng Anh lý thuyết	02
8	GDQP & An ninh		8	Lý thuyết biên dịch	02

Năm thứ 3:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1	**19**		**HỌC KỲ 2**	**18**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	1	Phương pháp nghiên cứu KH	02
2	Lý thuyết Phiên dịch	02	2	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	02
3	Tiếng Trung 3	03	3	Ngôn ngữ học đối chiếu	02
4	Thực hành Tiếng Anh -Nghe 4	03	4	Kỹ năng viết Tiếng Anh hàn lâm	03
5	Kỹ năng Nói 4	03	5	Thực hành phiên dịch cơ bản	03
6	Kỹ năng Đọc 4	03	6	Lịch sử văn minh thế giới	02

7	Thực hành Tiếng Anh -Viết 4	03	7	Thực hành biên dịch cơ bản	03
8	GDTC 1	02	8	GDTC 2	

Năm thứ 4:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1	**16**		**HỌC KỲ 2**	**09**
1	Thực hành dịch nâng cao	03	1	Thực tập tốt nghiệp	03
2	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	02	2	Khoá luận tốt nghiệp	06
3	Kỹ năng làm việc	02			
4	Phương pháp giảng dạy TA	03			
5	Kỹ năng đàm phán	02			
6	Văn hoá Anh – Mỹ	02			
7	Kỹ năng thuyết trình	02			

9. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

+ Phương thức đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức theo quy chế đào tạo học chế tín chỉ của Trường Đại học Kinh Bắc

+ Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp

Để đảm bảo chất lượng của khóa luận tốt nghiệp tương xứng với năng lực của đội ngũ giảng viên và khả năng của sinh viên, chương trình đào tạo đưa ra các điều kiện để chọn lọc các sinh viên đủ các điều kiện để làm và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Các điều kiện để sinh viên được thực hiện làm khóa luận theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc.

+ Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Kinh Bắc. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức tối thiểu là 133 tín chỉ bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm học phần Quốc phòng – An ninh và giáo dục thể chất)

10. Kiểm tra, đánh giá & thang điểm

10.1. Kiểm tra đánh giá

- Quy trình và phương pháp đánh giá:

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần/module, và chuẩn đầu ra môn học phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng.

Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, vấn đáp... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc.

- *Điểm đánh giá đối với học phần bao gồm:* điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm dành cho các hoạt động ngoài trời hoặc đi thực tế, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

Chuyên cần:	10%
Kiểm tra thường xuyên:	15%
Kiểm tra giữa học phần:	15%
Thi kết thúc học phần:	60%

10.2. Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

Đánh giá	**Thang điểm 10 (điểm thành phần)**	**Thang điểm**	
		Điểm chữ	**Điểm số**
Điểm đạt (*Riêng môn Thực tập tốt nghiệp và Khoá luận tốt nghiệp điểm tổng kết học phần từ C trở lên mới được coi là Đạt*)	Từ 8,5 đến 10	A	4.0
	Từ 7 đến (< 8.5)	B	3.0
	Từ 5.5 đến (<7)	C	2.0
	Từ 5 đến (<5.5)	D	1.0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

11. Phương pháp giảng dạy, học tập và nâng cao chất lượng

Phương pháp giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cho sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy; đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học:

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm
- Hình thức giảng dạy; giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, case study, role-play.. ...phù hợp với giảng lý thuyết/thực hành, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu cầu của người học và các bên có liên quan nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, chương trình đào tạo.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người bác sĩ.
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đào đức và tác phong của của GV, về chương trình đào tạo.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

12. Đối sánh chương trình đào tạo trong và ngoài nước

12.1. Các chương trình lựa chọn để đối sánh

Chương trình đào tạo trong nước

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học uy tín cùng ngành đào tạo trong nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như:

- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh – Trường Đại học Hà Nội
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh – Đại học Vinh
- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh – Đại học Phenikaa

Chương trình đào tạo nước ngoài

- Chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh – Trường Đại học Santo Tomas (Philipin)

12.2. Tiêu chí lựa chọn để đối sánh

- Các chương trình cùng ngành đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh
- Đảm bảo ngành đối sánh đại diện cho các trường ở Trung ương và địa phương

Bảng đối sánh chương trình đào tạo trong nước

TT	Trường	Kiến thức đại cương	Kiến thức GD chuyên nghiệp			Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học bổ sung thay thế		Tổng số tín chỉ
			Kiến thức bổ trợ	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp	Khoá luận tốt nghiệp	
1	Trường ĐH Hà Nội	43	12	90		3	6	154
2	Trường ĐHNN – ĐH QGHN	36	12	42	33	3	6	132
3	Trường ĐH Vinh	23	6	68	20	5	3	125
4	Trường ĐH Phenikaa	27	6	67	20	4	8	132
5	Trường ĐH Kinh Bắc	25	8	73	18	3	6	133

Bảng đối sánh các học phần tương đồng giữa các trường trong và ngoài nước

TT	Học phần	Trường Đại học Santo Tomas (Philipin)	Trường ĐH Hà Nội	Trường ĐHNN – ĐH QGHN	Trường ĐH Vinh	Trường ĐH Phenikaa	Trường ĐH Kinh Bắc
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	-	X	X	-	X	X
2	Triết học Mác – Lênin/ Tầm nhìn Kitoo giáo về con người	X	X	X	X	X	X
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học/ Khoa học, Công nghệ và Xã hội	X	X	-	-	-	X
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	-	-	-	X	-	-
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	-	X	X	-		X
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Cuộc đời và sự nghiệp của Rizal	X	X	X	X	X	X
7	Tin học đại cương/ Ứng dụng CNTT/ Tin học văn phòng	-	X	X	X	X	X
8	Logic học đại cương	-	-	X	-	-	-
9	Pháp luật đại cương/ Ngôn ngữ và pháp luật	X	X	-	-	X	X
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học/Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	X	X	X	X	X	X
11	Ngoại ngữ 2	X	X	X	X	X	X
12	Giáo dục thể chất	X	X	X	X	X	X
13	Giáo dục quốc phòng an ninh	X	X	X	X	X	X

14	Cơ sở văn hoá Việt Nam/ Đọc về Lịch sử Philipines	X	X	X	-	X	X
15	Dẫn luận ngôn ngữ/ Các lý thuyết về ngôn ngữ và việc tiếp thu ngôn ngữ	X	X	-	X	X	X
16	Tiếng Việt thực hành	-	-	X	-	X	X
17	Ngôn ngữ học đối chiếu	-	X	-	X	-	X
18	Ngữ âm – âm vị học/ Ngữ âm và hình thái Tiếng Anh	X	X	X	X	X	X
19	Ngữ nghĩa học/ Từ vựng – Ngữ nghĩa học Tiếng Anh	X	-	X	-	-	X
20	Lý thuyết dịch/ Nhập môn biên phiên dịch	-	X	X	X	X	X
21	Dịch Anh – Việt/ Việt – Anh	-	X	X	X	X	X
22	Văn hoá các nước nói Tiếng Anh/ Văn hoá Anh – Mỹ	X	X	X	-	X	X
23	Đất nước học Anh – Mỹ	-	X	X	X	X	-
24	Đất nước học các nước nói Tiếng Anh	-	-	X	X	-	-
25	Giao thoa văn hoá/ Giao tiếp liên văn hoá	X	X	X	-	-	-
26	Phân tích diễn ngôn	-	X	X	X	-	-
27	Ngữ dụng học	-	X	X	-	-	
28	Thực hành tiếng Nghe – Nói – Đọc – Viết 1	X	X	X	X	X	X
29	Thực hành tiếng Nghe – Nói – Đọc – Viết 2	X	X	X	X	X	X

30	Thực hành tiếng Nghe – Nói – Đọc – Viết 3	X	X	X	X	X	X
31	Thực hành tiếng Nghe – Nói – Đọc – Viết 4	X	X	X	X	X	X
32	Ngữ pháp lý thuyết (Tiếng Anh)	-	X	-	X	X	X
33	Ngữ pháp thực hành (Tiếng Anh)	-	X	-	-	X	X
34	Ngữ âm thực hành	-	-	-	-	-	X
35	Tiếng Anh thương mại/ Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh	X	-	-	-	-	X
36	Biên dịch chuyên ngành Tiếng Anh thương mại/ Kĩ năng biên-phiên dịch chuyên nghiệp/ Biên dịch Tiếng Anh thương mại	-	X	-	-	-	-
37	Tiếng Anh du lịch – khách sạn	-	-	X	X	-	X
38	Thư tín thương mại/ Tiếng Anh trong giao tiếp kinh doanh	X	-	X	-	X	X
39	Kỹ năng thuyết trình/ Diễn thuyết trước công chúng/ Diễn ngôn công chúng	X	-	X	-	X	X
40	Kỹ năng đàm phán bằng Tiếng Anh	-	-	X	-	-	X
41	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	-	X	X	X	X	X
42	Ngôn ngữ và phương tiện truyền thông	X	-	X	-	-	-

1. Philipin

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Santo Tomas (Philipin)

- Tham khảo khung CTĐT năm 2024
- Địa chỉ trang Web: https://www.ust.edu.ph/academics/programs/bachelor-of-arts-in-english-language- studies/

2. Việt Nam

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hà Nội
- Tham khảo khung CTĐT năm 2022
- Địa chỉ trang Web: *hanu.vn*

3. Việt Nam

- Cơ sở đào tạo: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
- Tham khảo khung CTĐT năm 2022
- Địa chỉ trang Web: *ulis.vnu.edu.vn*

4. Việt Nam

- Cơ sở đào tạo: Đại học Vinh
- Tham khảo khung CTĐT năm 2021
- Địa chỉ trang Web: *https://vinhuni.edu.vn/trang-chu.html*

5. Việt Nam

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Phenikaa
- Tham khảo khung CTĐT năm 2021
- Địa chỉ trang Web: *https://phenikaa-uni.edu.vn/vi*

6. Việt Nam

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh Bắc
- Tham khảo khung CTĐT năm 2024
- Địa chỉ trang Web: *truongdaihockinhbac.edu.vn*

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Khoa và các Tổ bộ môn thực hiện lập Đề cương chi tiết học phần, trình duyệt và cung cấp cho sinh viên, giảng viên trước khi giảng dạy và học tập.

13.2. Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong Chương trình, các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

KHOA NGÔN NGỮ **TRƯỞNG KHOA**	**KT. HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
TS. Đinh Thị Hương	**TS. Phạm Ngọc Trúc**